

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07/3/2023

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Thành và bà Nguyễn Thị Hồng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Hôm nay, ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/02/2024; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị S, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Trần Thị A- Trợ giúp viên – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 05/12/2023, bản tự khai ngày 28/12/2023 và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đinh Thị S và ông Nguyễn Đình H tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào tháng 03/1982. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau bình thường, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H thường xuyên uống rượu, hành hạ, đánh đập chửi bới xúc phạm bà S từ năm này qua năm khác. Đến tháng 7/2023, bà S không chịu nổi những lần chửi bới đánh đập của ông H, nên bà S cùng các con đã bỏ nhà để đi thuê nhà trọ cùng nhau sinh sống. Nay bà S xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H. Về con chung: Bà S và ông H có 05 con chung là Nguyễn Đình Q, sinh năm 1983; Nguyễn Đình G, sinh năm 1984; Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 và Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1995, hiện tại các con đã trưởng thành nên bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/12/2023 bị đơn ông Nguyễn Đình H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đình Thị S tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào tháng 03/1982. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhiều năm, nhưng đến năm 2020 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không phù hợp, thường xuyên cãi vã nói nhau, nay bà S làm đơn xin ly hôn ông H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông hoàn toàn nhất trí. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 12/01/2024 và bổ sung tại phiên tòa ông H trình bày: Do bức xúc nên tại Bản tự khai ngày 28/12/2023 ông đã nhất trí ly hôn, nhưng hiện tại ông xét thấy ông còn thương yêu bà S, nên ông mong muốn xin được đoàn tụ.

Về con chung: ông H và bà S có 05 con chung là Nguyễn Đình Q, sinh năm 1983; Nguyễn Đình G, sinh năm 1984; Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 và Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1995; hiện tại các con đã trưởng thành nên ông Hà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đình Thị S và ông Nguyễn Đình H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên mâu thuẫn giữa ông bà xảy ra từ năm 2020 cho đến nay đã 04 năm, vợ chồng sống ly thân vì sống chung với nhau không có hạnh phúc. Các con của ông bà cũng có Đơn trình bày đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy giải quyết cho ông H và bà S được ly hôn. Căn cứ lời khai của các bên và các con của ông H, bà S thấy cuộc sống chung của ông H, bà S không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà S, cho bà S và ông H được ly hôn nhau.

Về con chung: Bà S và ông H có 05 con chung là Nguyễn Đình Q, sinh năm 1983; Nguyễn Đình G, sinh năm 1984; Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 và Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1995; hiện tại các con đã trưởng thành, không có ai bị khiếm khuyết, nên đề nghị miễn xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị miễn xét.

Về án phí: Bà Đình Thị S thuộc đối tượng người cao tuổi và hộ nghèo nên đề nghị miễn án phí cho bà S nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra và kết quả hỏi tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà Đình Thị S xin ly hôn ông Nguyễn Đình H là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Đình H có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì bà Đinh Thị S và ông Nguyễn Đình H lấy nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào tháng 3/1982 là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Về mâu thuẫn: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống lúc đầu bình thường, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H thường xuyên uống rượu, hành hạ, đánh đập chửi bới xúc phạm bà S. Đến tháng 7/2023 bà S cùng các con đã bỏ nhà để đi thuê nhà trọ cùng nhau sinh sống. Nay bà S xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H.

[2.3]. Qua xem xét, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đinh Thị S và ông Nguyễn Đình H thực tế như ông, bà đã trình bày. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải nhiều lần để vợ chồng có thể thông cảm, bỏ qua cho nhau, cải thiện quan hệ hôn nhân, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, bà S kiên quyết xin ly hôn còn ông H mong muốn xin được đoàn tụ, nhưng ông H không có biện pháp gì để thuyết phục, níu kéo.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, xử cho bà S và ông H được ly hôn nhau là có căn cứ và phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4]. Về quan hệ con chung:

Xét bà S và ông H có 05 con chung là Nguyễn Đình Q, sinh năm 1983; Nguyễn Đình G, sinh năm 1984; Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 và Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1995, hiện tại các của ông H, bà S đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đinh Thị S và ông Nguyễn Đình H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6]. Nguyên đơn bà Đinh Thị S thuộc đối tượng người cao tuổi, người thuộc hộ nghèo và có đơn đề nghị miễn án phí, nên Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí cho bà Đinh Thị S theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.

[3]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị S;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Đinh Thị S và ông Nguyễn Đình H được ly hôn nhau.

2. Về án phí: Bà Đinh Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/3/2024) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA huyện Lệ Thủy;
- UBND xã H (để biết);
- Lưu HS; Lưu VP

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương

